萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：年齡2006/01/01(含)以後出生。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2006 (bao gồm).

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
1	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	5	TRI** PHU CUO**	020207**18
2	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	6	THA* VAN TA*	040206**10
3	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	11	DUO** CAO QU*	020207**14
4	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	26	HOA** PHI HUN*	033207**96
5	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	48	NGU*** QUA** ANH	033207**22
6	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	53	DOA* VAN TIE*	040207**83
7	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	61	DIN* VAN DA*	024206**96
8	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	63	PHA* NGU*** KHA** HUN*	087208**83
9	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	82	PHA* VAN HA*	030207**31
10	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	98	NGU*** DIN* BAO	3020700**75
11	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	112	TRA* GIA HA*	089207**66
12	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	114	LAM HOA** KIE*	087208**69
13	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	116	NGU*** VAN LIN*	027208**23
14	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	121	HOA** THE NGH***	008206**88
15	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	141	TA PHU*** HOA*	025207**85

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單
Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：年齡2006/01/01(含)以後出生。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2006 (bao gồm).

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
16	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	147	HOA** THA* AN	031207**46
17	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	148	DUO** DUC TIE*	030208**51
18	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	150	NGU*** TUN* NGU***	015208**23
19	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	155	LE VA* DON*	038207**38
20	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	156	NGU*** MIN* QUA*	027208**16
21	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	161	VU VA* QUA*	022206**33
22	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	173	NGU*** VAN DA*	033207**07
23	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	175	LAM NGO* BO*	079305**87
24	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	185	VU B* TA*	030208**64
25	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	198	NGU*** HUU NHA*	086208**92
26	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	215	BUI DIN* HU*	036206**36
27	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	217	HOA** XUA* PHU*	034208**69
28	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	219	VO PH* NGU***	087208**75
29	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	228	NGU*** THE HUN*	027207**66
30	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	230	LUO** THE AN*	022207**25

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：年齡2006/01/01(含)以後出生。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2006 (bao gồm).

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
31	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	235	TRA* TIEN DA*	072207**07
32	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	239	TRI** PHU* BIN*	006206**44
33	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	258	NGU*** VAN TUN*	040207**10
34	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	307	HOA** MAN* CUO**	020208**94
35	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	312	TRA* VAN MAN*	042208**06
36	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	320	NIN* QUO* CUO**	031208**12
37	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	333	DON* THI HON* NGO*	030307**19
38	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	344	NGU*** HUU TAI	030207**18
39	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	346	NGU*** MIN* TRA**	075307**65
40	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	347	NGU*** NHA* MIN*	037207**02
41	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	357	TRA* VAN NGU***	001207**20
42	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	359	PHA* DUC V*	040207**23
43	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	360	HOA* CON* CUON*	024207**27
44	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	363	PHA* HON* PHU*	037207**16
45	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	381	VU THI** THA**	030207**43

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：年齡2006/01/01(含)以後出生。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2006 (bao gồm).

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
46	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	390	VUON* DUC TUA*	030208**83
47	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	392	NGU*** VAN DUO**	089206**24
48	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	399	VU NGO* SO*	001206**36
49	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	407	NGU*** NGO* HIE*	027208**11
50	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	417	VU QUAN* DA*	036206**78
51	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	430	NGU*** THI** BA*	045207**57
52	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	433	DO MAN* HUN*	020207**20
53	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	444	VU HUY HOA**	033208**69
54	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	450	THA* DAC TAI	040208**51
55	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	454	TRA* DUC NGU***	011208**14
56	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	458	NGU*** ANH DU*	001207**19
57	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	459	NHI** NHA* DUY	072208**62
58	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	476	NGU*** TRU** THA**	024208**91
59	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	478	VU TR* DUN*	024208**37
60	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	491	DUO** VIE* HOA**	024208**77

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單
Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：年齡2006/01/01(含)以後出生。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2006 (bao gồm).

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
61	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	492	NGU*** THA** THI**	040208**47
62	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	493	VU TRI HOA** VIE*	024208**71
63	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	500	VU DAN* THU**	036208**27
64	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	508	HOA** THI HAN*	024307**09
65	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	510	NGU*** QUAN* DU*	030207**83
66	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	513	PHA* THI MAI TRA**	036307**09
67	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	517	LE THA** TUN*	030207**80
68	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	523	NGU*** TU AN*	037301**55
69	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	524	DAN* THU HIE*	001308**73
70	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	525	VO TRO** NHA*	092207**50
71	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	528	NGU*** VAN A*	040207**97
72	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	552	NGU*** THI KHA** LY	033307**55
73	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	562	HOA HOA** A*	094207**98
74	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	570	TRA* VAN MAN*	030207**71
75	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	577	TRA* THI HIE* LUO**	019307**53

萬能科技大學 2026年1+4國際專修部秋季班面試名單

Danh sách người được phỏng vấn

面試地點和時間安排將於 2026 年 4 月 30 日在招生網站上公佈。

Địa điểm và lịch phỏng vấn sẽ được thông báo trên trang web tuyển sinh vào ngày 30/04/2026.

第一階段篩選標準：年齡2006/01/01(含)以後出生。Tiêu chí sàng lọc giai đoạn đầu: 1. Sinh vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2006 (bao gồm).

序號	申請科系	報名編號	姓 名	身分證字號
76	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	579	NGO PHU** MIN*	089208**41
77	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	590	LUO** HIE* KHA**	025208**72
78	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	594	VI DU* DU*	024208**33
79	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	595	TRA* PHU* LOI	082207**41
80	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	610	TRU*** THI PHU***	030307**66
81	精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	634	PHA* TRI QUA*	024008**65

萬能科技大學 招生委員會 電話：(03)4628653

萬能科技大學 招生委員會